

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 976b/QĐ-TDTTBN ngày 30 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quản lý TDTT do Khoa Quản lý TDTT xây dựng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của Trường Đại học Tổng hợp Thể dục thể thao, Thanh niên và Du lịch Quốc gia Nga (Liên bang Nga), Đại học TDTT Leipzig (Đức), Trường đại học TDTT Bắc Kinh (Trung Quốc), Học viện TDTT Thượng Hải (Trung Quốc), Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường đại học TDTT Đà Nẵng ...Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình	Quản lý thể dục thể thao
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Quản lý thể dục thể thao
Mã ngành	7810301
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	122
Loại bằng	Cử nhân
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Quản lý thể dục thể thao

1.3. Mục tiêu của chương trình

- Đào tạo nguồn nhân lực quản lý TDTT phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý luận, khoa học quản lý nói chung và quản lý thể dục thể thao nói riêng, đáp ứng nhu cầu quản lý, nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng trong quản lý các hoạt động thể dục thể thao.
- Tổ chức các hoạt động, sự kiện Thể dục thể thao phục vụ cộng đồng; Hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực Thể dục thể thao.

1.4. Kết quả học tập dự kiến

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân QLTTDTT sau khi tốt nghiệp sẽ đạt

được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

1.4.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức liên quan đến các khái niệm, phương pháp luận và công nghệ về khoa học cơ bản, về kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực TĐTT. Bao gồm 3 khối kiến thức:

**** Khối kiến thức cơ bản***

- Nắm được những vấn đề cơ bản về nguyên lý chủ nghĩa Mac- Lê nin. Hiểu về đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam, nắm vững những điểm chính về Tư tưởng Hồ Chí minh.

- Hiểu biết căn bản về thực trạng và xu hướng của hoạt động kinh tế liên quan đến lĩnh vực thể dục thể thao trong nước và quốc tế.

- Có kiến thức cơ bản tổ chức các hoạt động TĐTT.

**** Khối kiến thức cơ sở ngành***

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý TĐTT nói riêng, đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý trong lĩnh vực TĐTT.

- Hiểu rõ những lý thuyết cơ bản về công tác quản lý TĐTT: Các chức năng ,nhiệm vụ của quản lý. Nắm vững các vấn đề về pháp luật liên quan tới hoạt động quản lý của tổ chức xã hội có hoạt động TĐTT

- Nắm được kiến thức cơ bản về các môn thể thao quần chúng và các môn thể thao thành tích cao, tối thiểu đạt trình độ 3 đẳng cấp III môn thể thao.

**** Khối kiến thức chuyên ngành***

- Biết ứng dụng những kiến thức được trang bị vào việc quản lý lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo cũng như nắm được phương pháp và quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý TĐTT.

- Nắm được nội dung, quy trình và phương pháp quản lý đối với các lĩnh vực hoạt động TĐTT: Quản lý sân bãi; Quản lý TĐTT quần chúng; Quản lý TĐTT thành tích cao; Quản lý TĐTT giải trí; Quản lý các hợp đồng kinh doanh trong lĩnh vực TĐTT...

- Nắm vững nội dung, phương pháp cũng như hiểu được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược quản lý cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực TĐTT.

Kiến thức bổ trợ:

- Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ B.

- Có kiến thức tin học tương đương trình độ B, biết vận dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Sử dụng được các phần mềm trong quản lý.

1.4.2. Yêu cầu về kỹ năng

** Kỹ năng cứng:*

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức khoa học quản lý chung và quản lý thể dục thể thao: biết lập các loại kế hoạch, tổ chức hoạt động quản lý...

- Có kỹ năng tư vấn và phát triển TDTT trong xã hội.

- Có các kỹ năng nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở, giảng dạy các môn lý luận thuộc ngành quản lý TDTT. Giảng dạy các môn thể thao cơ bản như: Điền kinh, Thể dục, Bơi lội, Cờ vua,... trong chương trình đào tạo đại học.

- Vận dụng và triển khai được những kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản lý (quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý sân bãi dụng cụ, ...).

`- Có khả năng tổ chức và điều hành hoạt động của câu lạc bộ TDTT, đơn vị TDTT cơ sở

** Kỹ năng mềm*

- Có khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình tốt.

- Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả; biết cách tổ chức hội thảo; đại hội các CLB TDTT.

- Có kỹ năng trong giao tiếp, trao đổi và giải quyết các công việc trong hoạt động quản lý TDTT.

- Biết kết hợp và vận dụng linh hoạt giữa kỹ năng “cứng” và kỹ năng “mềm” trong giải quyết công việc.

1.4.3 Thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là đường lối của Đảng trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- Có tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan.

- Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

1.5. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý xã hội về TDTT như: Các vụ thuộc tổng cục TDTT, Phòng nghiệp vụ TDTT, Trung tâm đào tạo và huấn luyện TDTT, Phòng văn hóa TDTT, Nhà thi đấu TDTT, Các câu lạc bộ TDTT, Các trường năng khiếu TDTT, Cá khu vui chơi giải trí TDTT.....; Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh về TDTT hoặc tham gia giảng dạy TDTT các cấp, nghiên cứu khoa học TDTT trong các cơ sở đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học,...

1.6. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

2. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.6.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo Theo quy chế 43 ban hành ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo, thông tư số 57 ban hành ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo và quyết định số 17 ban hành ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục – Đào tạo, ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 02 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

1.6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.
- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 2.0 trở lên.
- Về đẳng cấp: 03 môn thể thao đạt đẳng cấp III

1.7. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.7.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát mục tiêu đào tạo. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;
- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;
- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.7.2. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

1.7.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên phương pháp
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

a. Đánh giá học phần:

Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	30%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - Học phần chỉ có lí thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...).	70%

- Học phần có cả lý thuyết và thực hành: điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.	
---	--

3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.7$ Trong đó, a: điểm học phần; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc học phần.
--

b. Quy trình cho điểm:

Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo.

c. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Quy đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH HỌC

2.1. Cấu trúc và nội dung chương trình

a. Cấu trúc của chương trình

Chương trình bao gồm 122 tín chỉ (2415 giờ), chưa kể phần nội dung về Giáo dục quốc phòng và An ninh.

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Các môn đại cương (Không tính các học phần GDQP - AN)	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành		
	18	+ Bắt buộc
	21	+ Tự chọn
3. Các môn kiến thức ngành		
	25	+ Bắt buộc
	14	+ Tự chọn
4. Thực tập nghiệp vụ và khoá luận tốt nghiệp		
4.1. Thực tập nghiệp vụ	8	
4.2. Khoá luận tốt nghiệp/ học phần thay thế	6	
Tổng số	122	

b. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học	Số tín chỉ	Số học phần/ số giờ
1	Kiến thức giáo dục đại cương			30	17/450
1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Tiếng việt	1ĐC301/ 1ĐC302	5	2/75
1.2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	V	1ĐC303	3	1/45
1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	V	1ĐC304	2	1/30
1.4	Ngoại ngữ	V	1ĐC201/1ĐC202	6	2/90
1.5	Tin học đại cương	V	1ĐC103	2	1/30
1.6	Tâm lý học đại cương	V	1TL101	2	1/30
1.7	Giáo dục học đại cương	V	1TL201	2	1/30
1.8	Thông kê toán học	V	1ĐC101	2	1/30
1.9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	V	1ĐC106	2	1/30
1.10	Quản lý hành chính nhà nước	V	1QL201	2	1/30
1.11	Pháp luật đại cương	V	1QL101	2	1/30
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1	Kiến thức cơ sở ngành			39	19/750
2.1.1	Kiến thức bắt buộc			18	9/360
2.1.1.1	Tâm lý học Thể dục thể thao	V	1TL102HYQ	2	1/30
2.1.1.2	Giáo dục học Thể dục thể thao	V	1TL202HYQ	2	1/30
2.1.1.3	Sinh lý Thể dục thể thao	V	1YS301/1YS302	4	2/60
2.1.1.4	Giải phẫu Thể dục thể thao	V	1YS701	2	1/30
2.1.1.5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh	V	1ĐK007GYQ	2	1/60
2.1.1.6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	V	1TD007GYQ	2	1/60
2.1.1.7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	V	1BL007GYQ	2	1/60
2.1.1.8	Tâm lý học quản lý	V	1TL104Q	2	1/30

2.1.2	Kiến thức tự chọn 1 (11/23 tín chỉ)			11	5/165
2.1.2.1	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	V	1LL001GYQ/ 1LL002GYQ	4	2/60
2.1.2.2	Lịch sử Thể dục thể thao	V	1LL07	2	1/30
2.1.2.3	Vệ sinh Thể dục thể thao	V	1YS201	2	1/30
2.1.2.4	Hồi phục Thể thao	V	1YS601HQ	2	1/30
2.1.2.5	Y học Thể dục thể thao	V	1YS101	3	1/45
2.1.2.6	Dinh dưỡng Thể thao	V	1YS402HQ	2	1/30
2.1.2.7	Sinh hóa Thể dục thể thao	V	1YS401GHQ	2	1/30
2.1.2.8	Sinh cơ Thể dục thể thao	V	1YS501GHQ	2	1/30
2.1.2.9	Đo lường Thể thao	V	1ĐC102	2	1/30
2.1.2.10	Văn hóa thể thao	V	1TL204	2	1/30
	Kiến thức tự chọn 2 (10/30 tín chỉ)			10	5/225
2.1.2.11	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	V	1BB007GYH	2	1/45
2.1.2.12	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	V	1BN007GYQ	2	1/45
2.1.2.13	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	V	1BR007GYQ	2	1/45
2.1.2.14	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	V	1VO007GYQ	2	1/45
2.1.2.15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	V	1QV007GYQ	2	1/45
2.1.2.16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	V	1BĐ007GYQ	2	1/45
2.1.2.17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	V	1BC007GYQ	2	1/45
2.1.2.18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	V	1CL007GYQ	2	1/45
2.1.2.19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	V	1CV007GYQ	2	1/45
2.1.2.20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	V	1TD007GYQ	2	1/45
2.1.2.21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	V	1GO007GYQ	2	1/45
2.1.2.22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	V	1BS007GYQ	2	1/45
2.1.2.23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	V	1VA007GYQ	2	1/45
2.1.2.24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	V	1BĐ008GQ	2	1/45
2.1.2.25	Lý luận và phương pháp giảng dạy môn Thể thao dân tộc	V	1BS008GYQ	2	1/45
2.2	Kiến thức ngành			46	1140
	Chuyên ngành Quản lý TDTT				
2.2.1	Kiến thức bắt buộc			25	10/375
2.2.1.1	Văn bản lưu trữ	V	1QL214Q	2	1/30
2.2.1.2	Kế hoạch hóa thể dục thể thao	V	1QL210Q	4	2/60
2.2.1.3	Khoa học quản lý	V	1QL208Q/ 1QL209Q	4	1/60

2.2.1.4	Quản lý thể dục thể thao	V		4	1/60
2.2.1.5	Xã hội học thể dục thể thao	V	1QL203G	4	2/60
2.2.1.6	Kinh tế học thể dục thể thao	V	1QL204H	4	2/60
2.2.1.7	Báo chí và truyền thông thể thao	V	1QL305Q/ 1QL306Q	3	1/45
2.2.2	Kiến thức tự chọn			14	5/210
2.2.2.1	Pháp lý thể dục thể thao	V	1QL102Q	2	1/30
2.2.2.2	Marketing thể thao	V	1QL307Q	3	1/45
2.2.2.3	Đường lối thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	V	1QL103HYQ	2	1/30
2.2.2.4	Tin học trong quản lý	V		2	1/30
2.2.2.5	Tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao	V	1QL218Q	4	2/60
2.2.2.6	Quản lý thể dục thể thao giải trí	V	1QL215Q/ 1QL217Q	4	1/60
2.2.2.7	Toán kinh tế	V	1DC105Q	2	1/30
2.2.2.8	Quản lý sân bãi ,công trình thể dục thể thao	V	1QL207Q	3	1/45
2.3	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp			14	630
2.3.1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	V	1TT001	3	135
2.3.2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	V	1TT002	5	225
2.3.3	Khóa luận tốt nghiệp	V	1LV001	6	270
	Học phần thay thế				
2.3.1.1	Học phần chuyên môn thay thế 1	V	1QL206Q	3	1/135
2.3.1.2	Học phần chuyên môn thay thế 2	V	1QL208Q/ 1QL209Q	3	1/135

2.2. Kế hoạch học tập toàn khóa

TT	Tên học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học	Số tín chỉ	Số học phần/ số giờ
Kỳ học thứ 1					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	Tiếng Việt		5	2/30
2	Ngoại ngữ	V		6	2/45
3	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể dục	V		2	1/60
4	Khoa học quản lý	V		4	2/30
5	Xã hội học thể dục thể thao	V		4	2/30
Tổng số TC kỳ 1				29	13/195
Kỳ học thứ 2					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	V		5	2/45
2	Ngoại ngữ	V		6	2/45
3	Pháp luật đại cương	V		2	1/30
4	Lý luận và phương pháp giảng dạy điền kinh	V		2	1/60
5	Khoa học quản lý	V		4	2/30
Tổng số TC kỳ 2				19	8/210
Kỳ học thứ 3					
1	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	V		3	1/45
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	V		2	1/30
3	Tâm lý học đại cương	V		2	1/30
4	Thống kê toán học	V		2	1/30

5	Giải phẫu Thể dục thể thao	V		2	1/30
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy bơi lội	V		2	1/60
7	Marketing thể thao	V		3	1/45
Tổng số TC kỳ 3				16	7/270
Kỳ học thứ 4 -					
1	Giáo dục học đại cương	V		2	1/30
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	V		2	1/30
3	Quản lý hành chính nhà nước	V		2	1/30
4	Quản lý thể dục thể thao giải trí	V		4	1/60
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy bóng rổ	V		2	1/45*
Tổng số TC kỳ 4				12	5/195
Kỳ học thứ 5					
1	Tâm lý học Thể dục thể thao	V		2	1/30
2	Sinh lý Thể dục thể thao	V		4	2/30
3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	V		4	2/30
4	Đo lường Thể thao	V		2	1/30
5	Văn hóa thể thao	V		2	1/30
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	V		2	1/45*
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	V		2	1/45*
8	Tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao	V		4	2/30
9	Thực tập lần 1	V		3	1/135
Tổng số TC kỳ 5				22	11/405
Kỳ học thứ 6					
1	Tin học đại cương	V		2	1/30
2	Giáo dục học Thể dục thể thao	V		2	1/30
3	Sinh lý Thể dục thể thao	V		4	2/30
4	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	V		4	2/30
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	V		2	1/45*
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	V		2	1/45*
7	Kế hoạch hóa thể dục thể thao	V		4	2/30
8	Tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao	V		4	2/30
Tổng số TC kỳ 6				24	12/270
Kỳ học thứ 7					
1	Tâm lý học quản lý	V		2	1/30
2	Y học thể dục thể thao	V		3	1/45
3	Kế hoạch hóa thể dục thể thao	V		4	2/30
4	Xã hội học thể dục thể thao	V		4	2/30
5	Kinh tế học thể dục thể thao	V		4	2/30
6	Quản lý sân bãi , công trình thể dục thể thao	V		3	1/45
7	Thực tập lần 2	V		5	1/225
Tổng số TC kỳ 7				25	10/435
Kỳ học thứ 8					
1	Văn bản lưu trữ	V		2	1/30
2	Quản lý thể dục thể thao	V		4	1/60
3	Kinh tế học thể dục thể thao	V		4	2/30
4	Báo chí và truyền thông thể thao	V		3	1/45
5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phân thay thế	V		6	1/270
Tổng số TC kỳ 8				19	8/435

2.3. Tóm tắt các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo. Trang bị cho sinh viên những kiến thức LLCT cơ bản góp phần thực hiện mục tiêu chung của Đảng và nhà nước cũng như con đường đi lên CNXH ở Việt nam hiện nay. Giúp người học nhận thức đúng đắn về con đường đi lên CNXH mà đảng ta và Chủ tịch HCM đã lựa chọn, từ đó tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và làm việc tuân thủ pháp luật.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nội dung chính về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh,

động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

7. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dây phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn

giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

13. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDTT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết

vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

14. Sinh lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

15. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

16. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

17. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

18. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

19. Tâm lý học quản lý (2 tín chỉ)

Học phần Tâm lý học quản lý trang bị kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý cho sinh viên ngành quản lý TĐTT như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý quản lý. Bản chất con người và một số quy luật tình cảm của con người. Tập thể và một số quy luật tâm lý tập thể. Lãnh đạo và tâm lý của lãnh đạo trong công tác quản lý. Giao tiếp trong quản lý.

20. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TĐTT như khái niệm, vai trò của TĐTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TĐTT.

21. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TĐTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TĐTT.

22. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TĐTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

23. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TĐTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn...Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã

học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

24. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

25. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

26. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

27. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

28. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động ; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học.

Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

29. Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Golf, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong tổ chức tập luyện, theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng hỗ trợ, giúp đỡ người tập tại các sân tập, câu lạc bộ.

30. Văn bản lưu trữ (2 tín chỉ)

Nội dung của môn học này gồm hai phần kiến thức có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Phần 1 cung cấp những kiến thức khái quát về văn bản hành chính (khái niệm, chức năng, thể thức, phương pháp soạn thảo,...) và giới thiệu các hình thức chủ yếu trong hệ thống văn bản hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Phần 2 cung cấp kiến thức về tài liệu lưu trữ (khái niệm, ý nghĩa, tác dụng, phân loại, xác định giá trị) và hệ thống lưu trữ, công tác lưu trữ trong các cơ quan Nhà nước hiện nay.

31. Kế hoạch hóa Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học Kế hoạch hóa nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận của công tác kế hoạch như mục đích, nguyên tắc, phương pháp, chế độ, phân cấp, nội dung, chỉ tiêu, trình tự và quy trình lập kế hoạch. Từ đó giúp người học hình thành kỹ năng xây dựng và triển khai một kế hoạch chiến lược, một đề án hoặc một kế hoạch hành động công tác năm...

32. Khoa học quản lý (4 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và khoa học quản lý, giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn để đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm vững những kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn. Giúp cho sinh viên có điều kiện dễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan trong khối kiến thức chuyên ngành.

33. Quản lý TDTT quần chúng (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức trong thực tiễn công tác giáo dục thể chất cũng như công tác tổ chức quản lý phong trào thể dục thể thao sau này.

34. Quản lý TTTT cao (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể thao thành tích cao. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức quản lý trong thực tiễn công tác huấn

luyện cũng như công tác đào tạo vận động viên sau này.

35. Xã hội học Thể dục thể thao (4 tín chỉ)

Xã hội học TDTT là khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và xã hội cũng như các vấn đề xã hội nội hàm trong lĩnh vực TDTT (quan hệ xã hội, chức năng xã hội, kết cấu xã hội, quá trình xã hội ...) Môn học cung cấp cho người học cơ sở lý luận cơ bản của Xã hội học TDTT bao gồm những kiến thức chung về mối quan hệ giữa TDTT với xã hội, các chức năng xã hội của TDTT, cấu trúc xã hội của TDTT, phân tích xã hội học các lĩnh vực TDTT cụ thể, những khái niệm về lối sống lành mạnh, về chủ trương xã hội hóa TDTT... Từ đó giúp hình thành thế giới quan đúng đắn về giá trị của TDTT, bồi dưỡng nâng cao tình yêu nghề nghiệp.

36. Kinh tế học Thể dục thể thao (4 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

37. Báo chí và truyền thông Thể thao (3 tín chỉ)

Báo chí và truyền thông Thể thao là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng, tính chất đặc thù của báo chí nói chung cũng như trong lĩnh vực TDTT nói riêng, phương pháp và cách thức giao thiệp với giới truyền thông, cách thức tận dụng truyền thông để PR cho các sự kiện TDTT, để tuyên truyền - nâng cao vai trò, giá trị của TDTT. Ngoài ra, Quản lý báo chí TDTT cũng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp - cách thức đưa tin - viết bài về các sự kiện TDTT.

38. Marketing Thể thao (3 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về marketing, marketing thể thao, thị trường, chiến lược marketing, khách hàng cũng như những vấn đề về quản lý các dịch vụ thể thao. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

39. Tổ chức quản lý thi đấu Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý thi đấu thể dục thể thao, như: đại cương về thi đấu thể thao, tổ chức, quy tắc và phương pháp tổ chức quản lý công tác thi đấu TDTT... trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề cơ bản trong công tác tổ chức quản lý thi đấu thể dục thể thao và vận dụng trong thực tiễn công tác sau này.

40. Quản lý Thể dục thể thao giải trí (6 tín chỉ)

Môn học Quản lý thể thao giải trí trang bị sinh viên về những vấn đề cơ bản liên

quan đến thể thao giải trí cũng như xu hướng phát triển của các môn thể thao giải trí trong tương lai, đặc biệt sinh viên sẽ được tìm hiểu những vấn đề cơ bản nhất của thể thao giải trí – một lĩnh vực có khả năng phát triển rất mạnh trong tương lai ở các nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở những hiểu biết về môn học Quản lý thể thao giải trí sinh viên sau này sau khi ra trường có thể tự mình vận dụng sang tạo những kiến thức đã học vào vị trí công việc của mình hoặc tiến hành mở các trung tâm giải trí với các môn thể thao giải trí phù hợp với từng địa phương.

41. Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần quản lý sân bãi, công trình TDTT bao gồm những nội dung cơ bản của quản lý TDTT, cụ thể là giới thiệu tính tổng thể của TDTT trong đó có cơ sở vật chất của TDTT; những vấn đề quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất - kỹ thuật TDTT, như: quy hoạch đất đai cho TDTT, thiết kế xây dựng công trình TDTT, quy hoạch mạng lưới công trình TDTT...

42. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

43. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TDTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TDTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TDTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TDTT ở cơ sở.

44. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

45. Quản lý hoạt động thể dục thể thao xã hội (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chỉ đạo, tổ chức các hoạt động TDTT cho nông dân, cho công nhân viên chức và người khuyết tật nhằm hoàn thiện năng lực quản lý tổng hợp của người cán bộ trong tương lai hoạt động trong lĩnh vực này.

46. Khoa học quản lý (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và khoa học quản lý, giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn để đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm vững những kiến thức lý luận về khoa học quản lý để vận dụng vào thực tiễn. Giúp cho sinh viên có điều kiện dễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan trong khối kiến thức chuyên ngành. Trang bị những kỹ năng cần thiết cho cán bộ TĐTT.

2.5. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học: Tháng 9 năm 2019